

Số: 43/2023/QĐST-DS

P, ngày 28 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 52/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1972 và bà Phan Thị N, sinh năm 1982;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn V là bà Phan Thị N
(Theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2023)

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện C, Gia Lai.

Bị đơn: Ông Siu T, sinh năm: 1984 và bà Rơ Lan M, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Làng Tnao, xã Ia Boong, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Rơ Lan M: Ông Mai Văn T1 –
Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về Hợp đồng thuê vườn điều:

Ông Siu T, bà Rơ Lan M và ông Lê Văn V, bà Phan Thị N thống nhất hủy thỏa thuận theo văn bản có tiêu đề “Giấy nhường điều” ghi ngày 22/3/2022 lập tại nhà bà Rơ Lan M giữa ông Siu T, bà Rơ Lan M và ông Lê Văn V, bà Phan Thị N, người chứng kiến ông Rơ Lan T2.

2.2. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:

Ông Siu T và bà Rơ Lan M công nhận có nợ chung và có nghĩa vụ chung trả

nợ cho ông Lê Văn V và bà Phan Thị N tổng số tiền 67.500.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) là số tiền phát sinh từ thỏa thuận theo văn bản có tiêu đề “Giấy nhường điều” ghi ngày 22/3/2022 lập tại nhà bà Rơ Lan M giữa ông Siu T, bà Rơ Lan M và ông Lê Văn V, bà Phan Thị N, người chứng kiến ông Rơ Lan Thụ.

Ông Lê Văn V và bà Phan Thị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Siu T và bà Rơ Lan M thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với tiền phạt vi phạm hợp đồng là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*).

2.3. Về thời hạn, phương thức trả tiền:

Ông Siu T và bà Rơ Lan M có trách nhiệm trả nợ cho ông Lê Văn V và bà Phan Thị N số tiền 67.500.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời hạn trả nợ chậm nhất vào ngày **18/10/2023**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2.4. Về án phí:

Tiền án phí dân sự sơ thẩm là $(67.500.000 \text{ đồng} \times 5\%) : 2 = 1.687.500 \text{ đồng}$ (*Một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Ông Siu T và bà Rơ Lan M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.687.500 đồng (*Một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Ông Siu T và bà Rơ Lan M là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí đối với phần mà ông Siu T và bà Rơ Lan M phải chịu theo quy định. Ông Siu T và bà Rơ Lan M còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 843.750 đồng (*Tám trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Hoàn trả cho ông Lê Văn V và bà Phan Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.562.500 đồng (*Ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0005059 ngày 15/5/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Văn Quảng